

BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG
DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG 2024

A - THÔNG TIN CHUNG

1	Tên doanh nghiệp	
2	Năm thành lập	
3	Website Doanh nghiệp	
4	Loại hình doanh nghiệp	
5	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính	
6	Mã số thuế	
7	Sản phẩm chính và thị trường:	
8	Họ tên người đại diện theo pháp luật của DN	
	Chức vụ	
	Điện thoại	
9	Công đoàn cơ sở của DN trực thuộc LĐLĐ tỉnh/ thành phố hoặc công đoàn ngành nào?	
10	Các hình thức khen thưởng mà doanh nghiệp đã được nhận trong 05 năm trở lại đây	
11	Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp: Các hoạt động xã hội và hoạt động hỗ trợ xã hội mà doanh nghiệp đã tham gia (<i>Kể 3 hoạt động xã hội nổi bật mà DN đã thực hiện trong 03 năm, kết quả của hoạt động đó</i>)	
12	Tự đánh giá về môi trường làm việc của DN và các ưu đãi cho người lao động (<i>Nêu 3 điểm nổi bật</i>). <i>DN đã được xếp hạng/ tặng Bằng khen/ Giải thưởng Doanh nghiệp vì NLĐ chưa? Năm nào?</i>	
13	Họ tên người liên hệ	
	Chức vụ	
	Phòng ban	
	Điện thoại/ Email	

Biểu số liệu tóm tắt thành tích Doanh nghiệp đã đạt được từ năm 2022 đến nay

STT	Chỉ số	Năm 2022	Năm 2023	3 tháng đầu 2024
1	Tổng vốn			
2	Vốn đầu tư			
3	Doanh thu			
4	Lợi nhuận trước thuế			
5	Tỉ suất lợi nhuận/doanh thu			
6	Tỉ trọng tổng chi cho NLĐ / doanh thu (không bao gồm thuế)			
7	Đóng góp ngân sách			
8	Số lượng lao động (<i>bao gồm tất cả các loại hợp đồng trong DN</i>)			
9	Thu nhập bình quân của người lao động.			
10	Doanh nghiệp có nợ lương, chậm lương của NLĐ trong vòng 3 năm gần đây không? Nếu có, đã nợ thời gian bao lâu? Lý do là gì?			
11	Tỉ lệ người lao động trong DN được tham gia BHXH			
12	Doanh nghiệp có xảy ra tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể trong 3 năm gần đây không?			
13	Thành tích đạt được trong lĩnh vực lao động, BHXH			
14	Hoạt động của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo đánh giá của CĐ cấp trên; Danh mục khen thưởng/ kỷ luật với tổ chức Công đoàn (nếu có)			

Đề nghị gửi kèm Xác nhận của cơ quan thuế và BHXH về việc đã hoàn thành nghĩa vụ đến 31.12.2023; Xác nhận của LĐLĐ tỉnh về việc thu - nộp kinh phí, đoàn phí của Công đoàn cơ sở

B - THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
1	Tuyển dụng và sử dụng lao động		14,0			
1.1.	Hợp đồng lao động					
a	100% người lao động có hợp đồng lao động đúng pháp luật.	100% = 2 điểm; Thấp hơn 100% = 0 điểm. Không có tài liệu: 0 điểm	2		...%	Gửi kèm Quy chế tuyển dụng; Danh sách CBCNV đang làm việc có phân loại theo HĐ
b	Tuân thủ các quy định về giao kết hợp đồng lao động (thẩm quyền giao kết, nội dung hợp đồng có đầy đủ nội dung, nội dung đúng quy định...).	Đúng QĐ: 1 điểm. Sai một nội dung trừ 0.5 điểm	1			Gửi kèm bản sao 02 HĐ đã ký kết
c	Tỉ lệ người lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn so với tổng tổng số lao động	Tỉ lệ < 60%: 0 điểm; Từ 60 - 70%: : 1 điểm, từ 70 - 80%: 1,5 điểm, Trên 80%: 2 điểm	1,5		...%	DS CBCNV trong cơ quan và các loại hợp đồng. Trường hợp DN đặc thù cần thuê nhiều lao động thời vụ, cần có văn bản giải trình riêng
1,2	Thực hiện tốt quy định về trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc cho NL.	Thực hiện đúng: 1 điểm. Không thực hiện đúng: - 1 điểm. Mỗi chính sách ưu đãi hơn luật + 0,5 điểm	1		Liệt kê các điểm ưu đãi hơn luật	Các QĐ, chứng từ chi trả trợ cấp cho NLĐ,
1,3	DN thực hiện chuyển đổi công việc khác cho NLĐ khi bị thiếu việc làm	Có chuyển đổi công việc cho NLĐ 1 điểm - Không có: 0 điểm	1		Cụ thể đã triển khai như thế nào	giấy tờ chứng minh triển khai chính sách chuyển đổi công việc cho NLĐ bị thiếu việc làm
1,4	Đào tạo					
a	Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng hàng năm cho người lao động	Có đào tạo: 0.5 điểm; không đào tạo: 0 điểm,	1,0			Gửi kèm kế hoạch đào tạo, đào tạo lại; vị trí việc làm được đào tạo, đào tạo lại và văn bản chứng minh các khóa đào tạo thực tế
b	Đào tạo kiến thức, nâng cao tay nghề cho người lao động phù hợp với cách mạng 4.0		1,0		Cụ thể đã thực hiện như thế nào	
c	Tỉ lệ người được đào tạo, tập huấn so với tổng số lao động		0,5		Tỉ lệ cụ thể	
1,5	Báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động theo quy định	Có BC định kỳ: 0,5 điểm; có báo cáo nhưng ko đủ theo định kỳ hoặc không báo cáo: 0 điểm,	0,50		Cụ thể kỳ báo cáo	Gửi kèm văn bản chứng minh các kỳ báo cáo

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
1,6	Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng pháp luật lao động cho NLĐ	Có 1; không: 0.	1		Cụ thể đã thực hiện như thế nào	Gửi kèm kế hoạch đào tạo và văn bản chứng minh các khóa đào tạo thực tế
1,7	Không phân biệt đối xử khi thực hiện tuyển lao động	Có phân biệt - 1 điểm, ko phân biệt 0,5 điểm. Có chính sách giảm nhân sự trên 30 tuổi: - 3 điểm;	0,50			Gửi kèm Quy chế tuyển dụng, thông báo tuyển dụng
1,8	LĐ làm việc ổn định, tỉ lệ nhân sự biến động (không kể nhân sự nghỉ hưu) hàng năm <5%	Dưới 5%/năm: 2 điểm, từ 5 -10%: 1 điểm. Từ 10 đến 30%: 0 điểm, trên 30% trừ 1 điểm	2		...%	DS CBCNV hoặc số liệu báo cáo nhân sự chính thức của DN từ 2021 tới nay
1,9	Tạo cơ hội việc làm cho người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách xã hội	Mỗi loại hình người yếu thế được cộng: 1 điểm, Không: 0 điểm	1		Cụ thể đã thực hiện như thế nào	DS CBCNV khuyết tật / yếu thế
2	Quy chế dân chủ ở cơ sở - kỷ luật lao động		11			
2,1	Thỏa ước lao động tập thể được xây dựng theo đúng trình tự pháp luật quy định và còn hiệu lực. Có nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật	TULĐ xây dựng đúng luật: 1 điểm; TULĐ được xếp loại B: 2 điểm, xếp loại A: 3 điểm Có tham gia TULĐTT ngành: cộng thêm 1 điểm	3		Liệt kê các điểm ưu đãi hơn luật	Gửi kèm TULĐTT đã ký kết; văn bản xếp loại TULĐTT của công đoàn cấp trên
2,2	Tổ chức đối thoại theo quy định	Thực hiện đúng luật: 1 điểm. Tốt hơn luật: Mỗi tiêu chí + 0,5 điểm (liệt kê các điểm ưu đãi hơn luật). Không thực hiện - 1 điểm/ tiêu chí	1		Liệt kê các điểm tốt hơn quy định của Pháp luật	Kèm theo Biên bản đối thoại
2,3	DN có tổ chức riêng Hội nghị Người lao động hàng năm		1			Gửi kèm BB Hội nghị NLĐ
2,4	DN có xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức thực hiện trên thực tế		1			Gửi kèm bản sao Quy chế và các văn bản, hình ảnh chứng minh thực tế có thực hiện Quy chế
2,5	Quy chế tuyển dụng					Gửi: Quy chế tuyển dụng, NLĐ
a	Không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ tùy thân của người lao động.	Không giữ 0.5 điểm; có giữ: - 0,5 điểm	0,5			
b	Không giữ tiền hoặc tài sản của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.		0,5			
2,6	Nội quy lao động					
a	Doanh nghiệp có xây dựng Nội quy lao động bằng văn bản.	Có 1 điểm, không có: -1 điểm	1			

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
b	Doanh nghiệp có đăng ký Nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương	Có đăng ký: 1 điểm, chưa đăng ký -1 điểm	1			Gửi kèm Bản sao nội quy lao động;
2,7	Xử lý kỷ luật LĐ đúng trình tự, thẩm quyền và hình thức	Thực hiện đúng quy định hoặc ko phát sinh: 1 điểm; Thực hiện ko đúng - 1 điểm. Không có tài liệu chứng minh: 0 điểm	1			Gửi kèm Bản sao nội quy lao động; hồ sơ các vụ xử lý kỷ luật
2,8	Yêu cầu bồi thường vật chất đúng pháp luật		1			Gửi kèm Bản sao nội quy lao động; hồ sơ các vụ xử lý trách nhiệm vật chất
3	Tiền lương		13,0			
3,1	Tiền lương bình quân của doanh nghiệp so với mức lương tối thiểu vùng	Bảng lương tối thiểu vùng: 0 điểm, cao hơn từ 25% - 49%: 1 điểm, từ 50%- 74%: 2 điểm, từ 75% - 99%: 3 điểm, tăng từ 100%:4 điểm; cứ mỗi 25% tăng tiếp theo được cộng thêm 1 điểm (nhưng không quá 15 điểm) Không có tài liệu chứng minh: 0 điểm	4		đ/tháng/người - Tỷ lệ%	Gửi kèm Bảng thanh toán tiền lương của DN hoặc thang, bảng lương
3,2	Quy chế trả lương					Tài liệu chứng minh
a	Xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động	Có 0.5; không: -0,5	0,5			
b	Xây dựng quy chế trả lương đối với người lao động.	Có 0.5; không: 0.	0,5			
c	Lấy ý kiến đại diện tập thể lao động khi xây dựng thang lương, bảng lương hoặc quy chế trả lương	Có 1; không: -0,5	1			
d	Thông báo bảng kê trả lương cho người lao động theo quy định	Có 0.5; không: 0.	0,5			
đ	Công khai quy chế trả lương, thang lương, bảng lương cho toàn thể người lao động	Có 0.5; không: 0.	0,5			
3,3	Đảm bảo thu nhập của NLĐ	Bảng năm trước: 1 điểm. Tăng trưởng từ 1% đến <5%: 1 điểm; từ 5% đến <10%: 2 điểm; Từ 10% trở lên: 3 điểm và cứ 5% tăng trưởng tiếp theo được cộng 0.5 điểm	3		Năm 20.....đ/ tháng/ người; năm 20.....đ/ tháng /người - Tỷ lệ%	Báo cáo của DN tại Hội nghị NLĐ hoặc văn bản liên quan chứng minh

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
3.4	Trả lương đúng thời hạn cho NLĐ	Đúng thời hạn: 1 điểm, không đúng 0 điểm	1		Định kỳ trả lương vào ngày nào trong tháng	Sao kê giao dịch ngân hàng hoặc giấy biên nhận lương.
3.5	Thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm khi NLĐ thôi việc, bị mất việc làm	Thanh toán tiền nghỉ hàng năm cho NLĐ thôi việc, mất việc: theo thu nhập: 2 điểm, trả theo tiền lương: 1 điểm. Không chi trả: - 2 điểm Thanh toán tiền nghỉ hàng năm cho NLĐ đang làm việc mà chưa nghỉ hết phép: +1 điểm	2			QĐ chi trả hoặc văn bản liên quan chứng minh
4	Phụ cấp, trợ cấp và tiền thưởng		15			
4,1	DN có các loại phụ cấp, trợ cấp phúc lợi nào sau đây					
a	Ăn ca	Không hỗ trợ: 0 điểm; Có hỗ trợ ăn ca: 0,5 điểm; Mức hỗ trợ ăn ca với DN vùng I, II đạt 20.000 đồng: 1 điểm, cao hơn 20.000 đồng: 2 điểm; Mức hỗ trợ ăn ca với DN vùng III, IV đạt 18.000 đồng: 1 điểm, cao hơn 18.000 đồng: 2 điểm;	2		... đ/tháng/người	Gửi kèm Thỏa ước lao động tập thể hoặc DS chi trả phụ cấp, DS thưởng hoặc các văn bản liên quan chứng minh
b	Đi lại	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/tháng/người	
c	Chuyên cần	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/tháng/người	
d	Các loại phụ cấp, trợ cấp khác	Mỗi khoản phụ cấp khác được cộng 0,5 điểm			Liệt kê các khoản, cụ thể từng loại phụ cấp ... đ/tháng/người	
4,2	Tổng số tiền phụ cấp hàng tháng	Tỉ lệ phụ cấp/ lương tối thiểu vùng: Bằng 30% đến < 50%: 1 điểm, từ 50 - < 100%: 2 điểm, từ 100% trở lên: 4 điểm			... đ/tháng/người	
	+ So với mức lương tối thiểu vùng		4		...%	
4,3	DN có các loại tiền thưởng nào sau đây					
a	+ Tết Nguyên đán	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/năm/người	

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
b	+ Tết Dương lịch	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/năm/người	
c	+ Thưởng năng suất, chất lượng	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/năm/người	
d	+ Thưởng sáng kiến, cải tiến KT	Có: 1 - Không: 0	1		... đ/năm/người	
e	+ Thưởng khác	Mỗi khoản tiền thưởng khác được cộng 0,5 điểm			Liệt kê các khoản, cụ thể từng loại phụ cấp ... đ/tháng/người	
4,4	Bình quân tiền thưởng cho mỗi người/ năm so với mức lương tối thiểu vùng x 12 tháng	Tỉ lệ tiền thưởng/ lương tối thiểu vùng: 50%: 1 điểm; 100%: 2 điểm, và mỗi 100% tăng thêm + 1 điểm	2		... đ/năm/người, tỉ lệ....%	
4,5	Xây dựng quy chế thưởng đối với người lao động	Có CX quy chế 0.5 điểm, Quy chế được thông qua CĐ trước khi phát hành 0.5 điểm	1			Gửi kèm quy chế thưởng tại DN và nội dung hiệp y của CĐ
5	Phúc lợi		14			
5,1	Có nhà ăn / ăn ca đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kiểm soát thường xuyên thực phẩm đảo vào, chất lượng nước cho nhà bếp	Có nhà ăn 1 điểm, kiểm soát vệ sinh thường xuyên 1 điểm	2		Ghi kết quả cụ thể từng loại hình phúc lợi; đánh giá tỉ lệ số người được hưởng phúc lợi trên tổng số NLĐ	Hình chụp nhà ăn. Phiếu kiểm tra thực phẩm và chất lượng nước định kỳ
5,2	Có Nhà trẻ cho con NLĐ hoặc hỗ trợ tiền gửi trẻ, mẫu giáo cho NLĐ	Có nhà trẻ miễn phí: 3 điểm ; hỗ trợ tiền gửi trẻ >= 500.000đ/người/tháng: 2 điểm. Dưới 500.000đ/ : 1 điểm. Không có: 0 điểm	3			Ảnh chụp Nhà trẻ trong DN hoặc bảng thanh toán tiền hỗ trợ gửi trẻ
5,3	Tổ chức các hoạt động văn hoá- thể thao cho NLĐ	Bao nhiêu người được hưởng lợi ở từng loại hình phúc lợi. Tỉ lệ nhân sự được hưởng lợi so với tổng nhân sự. Điểm tính bằng điểm chuẩn nhân với tỉ lệ	2			Danh mục các hoạt động Thể dục thể thao cho công nhân. Ảnh các hoạt động thể thao
5,4	Có nhà ở / ký túc xá cho NLĐ Hoặc hỗ trợ kinh phí thuê nhà cho NLĐ	Có KTX: 3 điểm; hỗ trợ tiền nhà ở >= 1.000.000đ/người/tháng: 2 điểm' Dưới 1.000.000đ/ : 1 điểm. Không có: 0 điểm.	3			Ảnh chụp KTX trong DN hoặc bảng thanh toán tiền hỗ trợ nhà ở

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
5,5	Có chính sách chăm sóc đời sống tinh thần cho NLD	Có: 1 điểm. Không: 0 điểm. Mỗi chính sách + 0,5 điểm	1			Văn bản chứng minh chính sách cụ thể
5,6	Có mua bảo hiểm thân thể hoặc bảo hiểm khác cho NLD (ngoài quy định của NN)	Có: 1 điểm. Không: 0 điểm. Mỗi chế độ bảo hiểm bổ sung được cộng 0.5 điểm	1		Liệt kê cụ thể các chế độ bảo hiểm bổ sung	Bảng thanh toán tiền mua Bảo hiểm
5,7	Có thực hiện chế độ đối với con của người lao động (khen thưởng thành tích học tập, hỗ trợ tiền học phí, cung cấp học bổng...).	Có: 1 điểm. Không: 0 điểm. Mỗi chính sách + 0,5 điểm	1			Hồ sơ chứng minh
5,8	Tổ chức tham quan, nghỉ mát hoặc đi du lịch hằng năm cho người lao động.	Có: 1 điểm. Không: 0 điểm. Mỗi chính sách + 0,5 điểm	1			
6	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		9			
6,1	Người lao động làm việc 40h - 48h/tuần	48h: 0 điểm; 44h: 3 điểm, 40h: 5 điểm	5		Ghi cụ thể số giờ làm việc /tuần	Gửi kèm Nội quy lao động, Thỏa ước LĐ tập thể hoặc giấy tờ liên quan chứng minh
6,2	Số giờ làm thêm trong 1 năm của NLD	Điểm tính theo tỉ lệ so với luật LĐ. Đúng quy định đạt 2 điểm. Số giờ làm thêm nhiều hơn luật < 50%: trừ 2 điểm nhiều hơn 50% trở lên 50%: trừ 3 điểm	2		Ghi cụ thể số giờ làm thêm bình quân của NLD, đối chiếu với Luật LĐ.	
6,3	Có thỏa thuận với NLD trước khi làm thêm giờ	Có: 1 điểm ; Không: - 1 điểm	1			
6,4	Thực hiện chế độ nghỉ việc riêng có hưởng lương cho NLD lương đúng luật	Đúng luật: + 1 điểm. Ưu đãi hơn luật: + 0,5 điểm	1		Liệt kê các điểm ưu đãi hơn luật	
7	An toàn, vệ sinh lao động		8			
7,1	Có nhân sự ATVSLĐ, cán bộ y tế					Kèm theo QĐ nhân sự
a	Có bộ phận an toàn, vệ sinh lao động hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định	Có: 0.5 điểm - Không: 0 điểm	0,5			Kèm theo văn bản chứng minh
b	Có bộ phận y tế hoặc ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định	Có: 0.5 điểm - Không: 0 điểm	0,5			Kèm theo văn bản chứng minh

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
7,2	Tổ chức KSK định kỳ cho NLĐ đúng luật.	Có tổ chức đúng luật: 1 điểm; Số lần KSK cho NLĐ nhiều hơn quy định, mỗi lần được cộng 0.5 điểm. Không tổ chức KSK: - 4 điểm. Tổ chức khám nhưng không đầy đủ số lần - 1	1		Ghi cụ thể DN thuộc diện phải KSK cho NLĐ bao nhiêu lần/năm và kết quả thực hiện	Kèm theo Kế hoạch khám sức khỏe hàng năm, hợp đồng và thanh lý HĐ khám sức khỏe định kỳ hàng năm
a	Thực hiện khám sức khỏe chuyên khoa đối với lao động nữ	Có: 1 điểm, không: -0,5 điểm	1			
b	Mức kinh phí dành cho khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ	500.000đ/ người: 0.5 điểm, mỗi 500.000đ tăng thêm được cộng 0.5 điểm. Dưới 500.000đ; 0 điểm	0.5			
c	Tỉ lệ NLĐ được khám sức khỏe hàng năm so với tổng số lao động đạt 100%	100% = 1 điểm. Không đủ tỉ lệ 100%: -0,5 điểm;	1		Ghi cụ thể số người được KSK trên tổng số NLĐ, quy ra tỉ lệ ...%	
7,3	Thực hiện chế độ đo kiểm tra môi trường lao động theo quy định.	Có 1 điểm; không - 1 điểm	1			Gửi kèm bản sao kết quả đo MT năm 2022
7,4	NLĐ được huấn luyện định kỳ về an toàn lao động		1			Gửi kèm bản sao danh sách NSDLĐ và NLĐ được tập huấn hoặc tài liệu năm 2022
7,5	Đảm bảo các tiêu chí tối thiểu: ánh sáng, nhiệt độ, không khí. Doanh nghiệp quan tâm đầu tư cải thiện điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho NLĐ.	Đảm bảo tiêu chí tối thiểu: 0.5 điểm. Có đầu tư cải thiện môi trường làm việc: 0.5 điểm, không: 0 điểm. Mỗi điểm thực hiện tốt: + 0,5 điểm. Doanh nghiệp được chứng nhận Doanh nghiệp Xanh - Sạch - Đẹp + 1 điểm	1		Cụ thể triển khai như thế nào	tài liệu chứng minh
7,6	Biện pháp phòng chống cháy nổ, thoát hiểm đảm bảo (nội dung đầy đủ)	Không xảy cháy nổ: 0.5 điểm. Nội quy đảm bảo: 0.5 điểm; Các điểm hơn Quy định: + 0,5 điểm. Ko có nội quy phòng chống cháy nổ - 1 điểm	1		Cụ thể triển khai như thế nào	tài liệu chứng minh
8	Bảo hiểm Xã hội		8			

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
8,1	100% lao động làm việc theo hợp đồng có thời hạn từ 1 tháng trở lên được tham gia BHXH, BHYT, từ 3 tháng trở lên được tham gia BH thất nghiệp	100% được 2 điểm, dưới 100% trừ điểm theo tỉ lệ. Các điểm hơn Luật: +0,5 điểm (liệt kê các điểm hơn luật)	2		Nêu rõ các loại bảo hiểm khác do DN tham gia cho NLĐ	Thông báo đóng BHXH 3 tháng gần nhất và xác nhận của BHXH địa phương
8,2	Làm thủ tục đề nghị chi các chế độ BHXH kịp thời (Ốm đau, thai sản, TNLĐ...)	Kịp thời 1 điểm; Một chế độ chưa kịp thời trừ 0.5 điểm/chế độ. Ưu đãi hơn luật: + 0,5 điểm/ tiêu chí	1		Cụ thể triển khai như thế nào	Có xác nhận của BHXH địa phương
8,3	Trích nộp tiền BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đúng hạn	Không nợ: 2 điểm, có nợ < 3 tháng trừ 2 điểm, có nợ 3 tháng trở lên: Loại	2			Xác nhận của CQ bảo hiểm hoặc thông báo đóng BHXH 2 tháng gần nhất tại thời điểm kê khai
8,4	Tham gia BHXH trên cơ sở mức lương, phụ cấp đang thực lĩnh hàng tháng (lương công việc, lương chức danh, phụ cấp lương)	Có: 2 điểm. Không: 0 điểm.	2			Bảng lương và phụ cấp đóng BHXH
8,5	Hỗ trợ NLĐ nộp BHXH phần NLĐ chịu trách nhiệm:	Hỗ trợ dưới 25%: 0.5 điểm, cứ 25% tiếp theo + 0.5 điểm	1		Nêu rõ tỉ lệ hỗ trợ	Giấy tờ chứng minh hỗ trợ NLĐ đóng nộp BHXH, BHYT
9	Công đoàn		8			
9,1	Tổ chức công đoàn trong DN hoạt động hiệu quả, được CĐ cấp trên đánh giá cao	Theo xếp loại của CĐ cấp trên: Vững mạnh: 2 điểm; khá: 1 điểm; TB: 0 điểm. Yếu kém: - 1 điểm	2		Đánh giá theo mức độ	Văn bản của CĐ cấp trên hoặc các Bằng khen chứng minh
9,2	Tỉ lệ đoàn viên công đoàn tại doanh nghiệp	50% - 70%: 0 điểm, 70% - 90%: 0.5 điểm; 90 -100%: 1 điểm.	1		%	DS đoàn viên CĐ
9,3	Đóng kinh phí và đoàn phí Công đoàn đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định	Kinh phí đầy đủ kịp thời: 1 điểm; đoàn phí đầy đủ kịp thời 1 điểm, hơn quy định mỗi tiêu chí + 0.5. Không đầy đủ hoặc không kịp thời: - 1 điểm/ tiêu chí	2			Văn bản của LĐLĐ cấp tỉnh, CĐ ngành Trung ương xác nhận việc thu - nộp đoàn phí, kinh phí CĐ đúng quy định
9,4	DN và Công đoàn tham gia thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM, tổ chức thi đua trong DN, nhân rộng những tấm gương điển hình tiên tiến	Có tổ chức thi đua, hiệu quả tốt: 1 điểm. Không tổ chức thi đua: 0 điểm. Có hình thức nhân rộng: +0,5 điểm/ hình thức trong đơn vị; +1 điểm/ hình thức nhân rộng trên phạm vi toàn quốc/ địa phương	1		Liệt kê cụ thể các phong trào thi đua và hình thức nhân rộng	Văn bản chứng minh

TT	Các tiêu chí	Cách chấm điểm	Điểm chuẩn	DN tự chấm điểm	Doanh nghiệp diễn giải chi tiết	Tài liệu cần gửi kèm theo để chứng minh điểm số
9,5	Công đoàn cơ sở chủ động ký kết được các chương trình phúc lợi cho đoàn viên riêng của cấp mình theo chương trình "Mỗi CĐCS, một lợi ích đoàn viên"	Có chương trình riêng 2 điểm; không có chương trình riêng nhưng tham gia tốt chương trình chung của TLĐ: 1 điểm. Cứ mỗi phúc lợi cụ thể tăng thêm được + 0.5 điểm	2		Liệt kê từng việc cụ thể	Tài liệu chứng minh phúc lợi đoàn viên được tăng lên
9,6	Công đoàn có quy chế chi tiêu theo quy định, không phụ thuộc vào chủ doanh nghiệp	Phải tham khảo ý kiến Chủ DN trước khi chi tiêu: -1 điểm	0			Quy chế chi tiêu của CĐCS
	TỔNG CỘNG:		100			
Lưu ý: Doanh nghiệp CẦN gửi kèm theo các tài liệu chứng minh ở từng hạng mục điểm tự đánh giá (cột Ghi chú). Đối với các hạng mục không có tài liệu chứng minh, Doanh nghiệp sẽ KHÔNG được ghi nhận điểm số						

ĐẠI DIỆN BCH CÔNG ĐOÀN

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Người đại diện theo pháp luật)